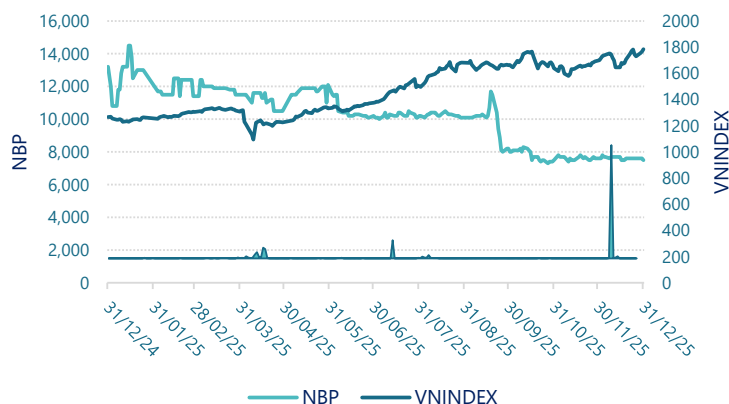


CTCP Nhiệt điện Ninh Bình (HNX: NBP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
SL cổ phiếu LH	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,300
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	11.9
EPS	633

DT thuần

Q4/25

40.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼113| -73.4%

YoY: ▼120| -74.6%

LN sau thuế

Q4/25

-0.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.44| 35.2%

YoY: ▲ 2.01| 71.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.3%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

2025

359

tỷ VNĐ

YoY: ▼802| -69.0%

LN sau thuế

2025

8.14

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.2| 162%

ROE

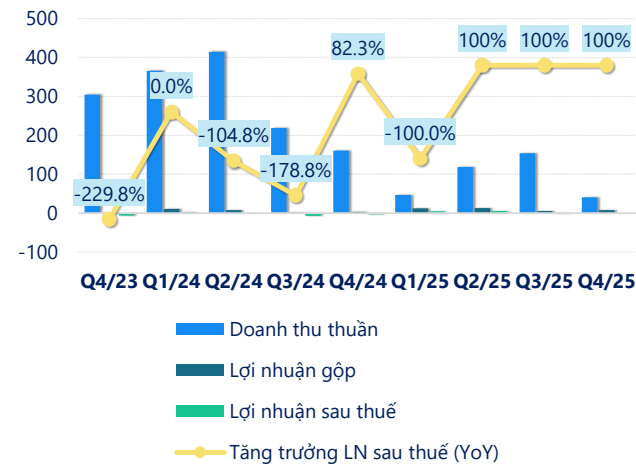
2025

3.5%

+/- YoY: ▲ 9.0%

tỷ VNĐ

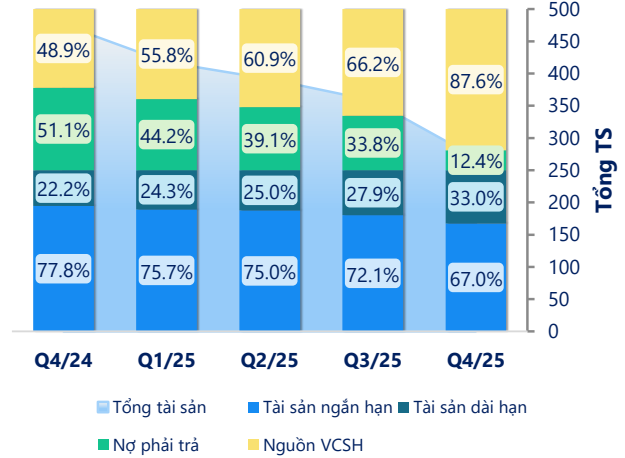
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

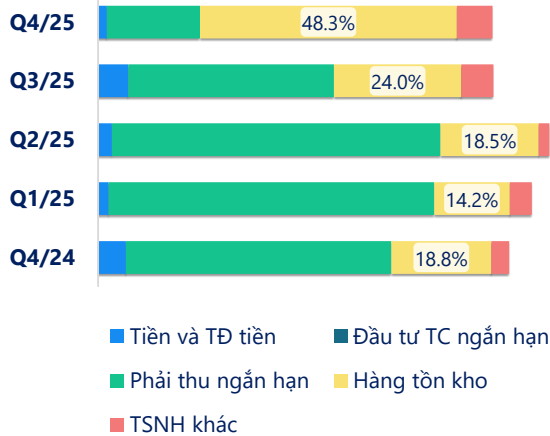
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



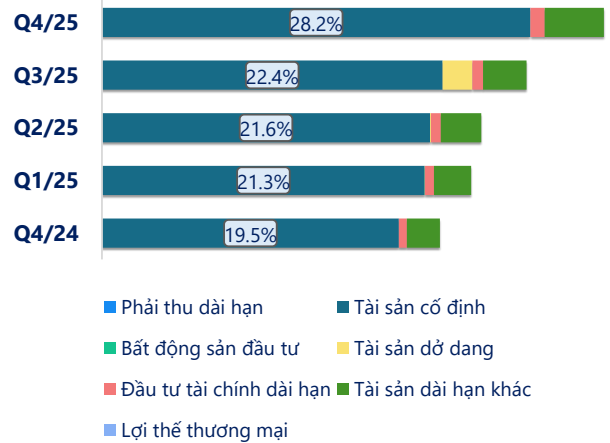
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

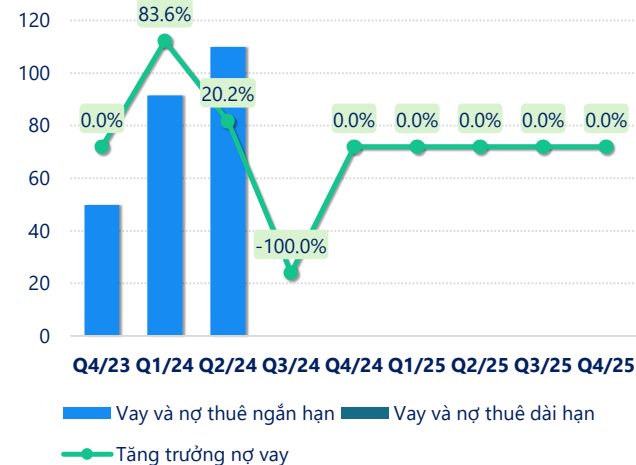
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

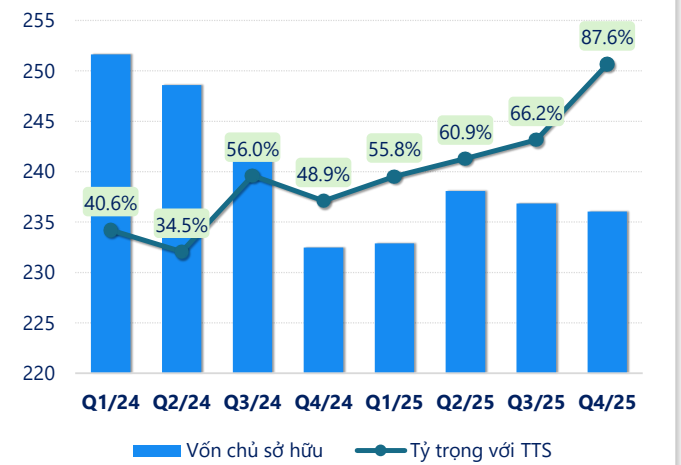
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

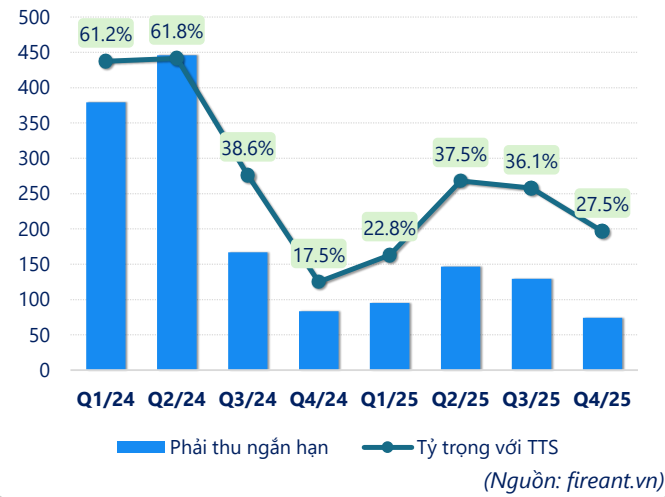
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

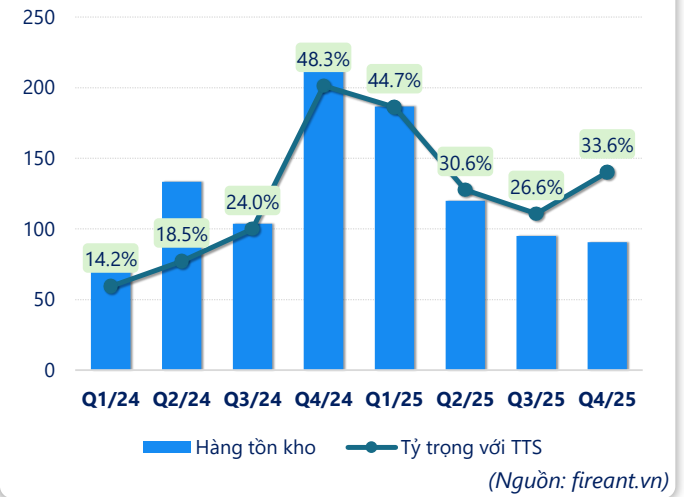


(Nguồn: fireant.vn)

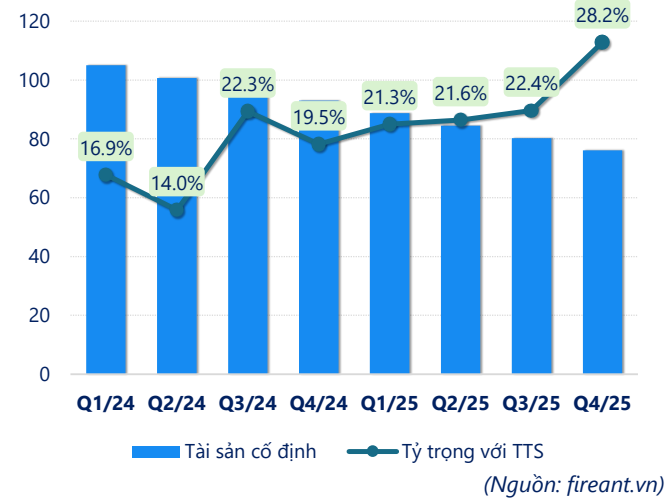
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


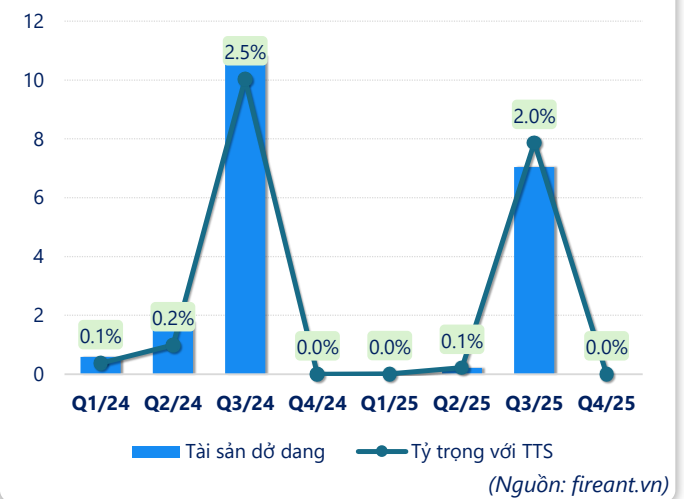
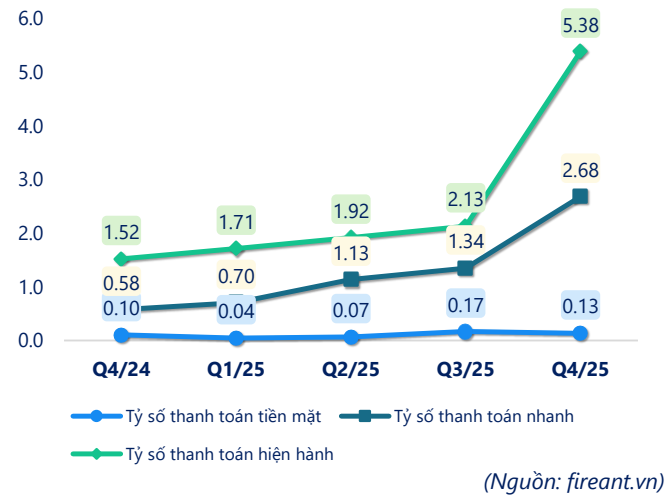
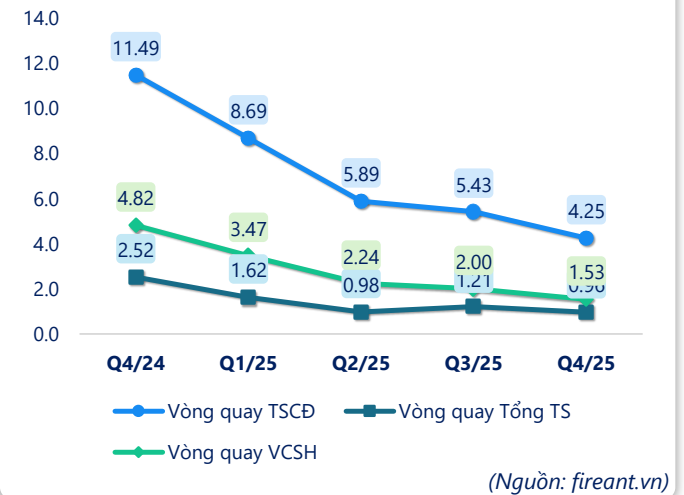
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	476	417	391	358	270
Tài sản ngắn hạn	370	316	293	258	180
Tiền và tương đương tiền	25.0	8.28	10.1	20.4	4.46
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	83.2	95.3	147	129	74.1
Hàng tồn kho	230	187	120	95.1	90.6
Tài sản ngắn hạn khác	31.8	25.8	16.7	13.3	11.3
Tài sản dài hạn	106	101	97.6	100	89.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	93.0	88.7	84.5	80.2	76.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.01	0.22	7.04	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Tài sản dài hạn khác	10.3	10.2	10.4	10.3	10.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	243	184	153	121	33.5
Nợ ngắn hạn	243	184	153	121	33.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	232	166	128	88.8	20.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	232	233	238	237	236
Vốn chủ sở hữu	232	233	238	237	236
Vốn điều lệ	129	129	129	129	129
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)